

BẢN TIN TUẦN 12

**“Kết quả quan trắc, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi
Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp”**

(ngày lấy mẫu 25-26/04/2023)

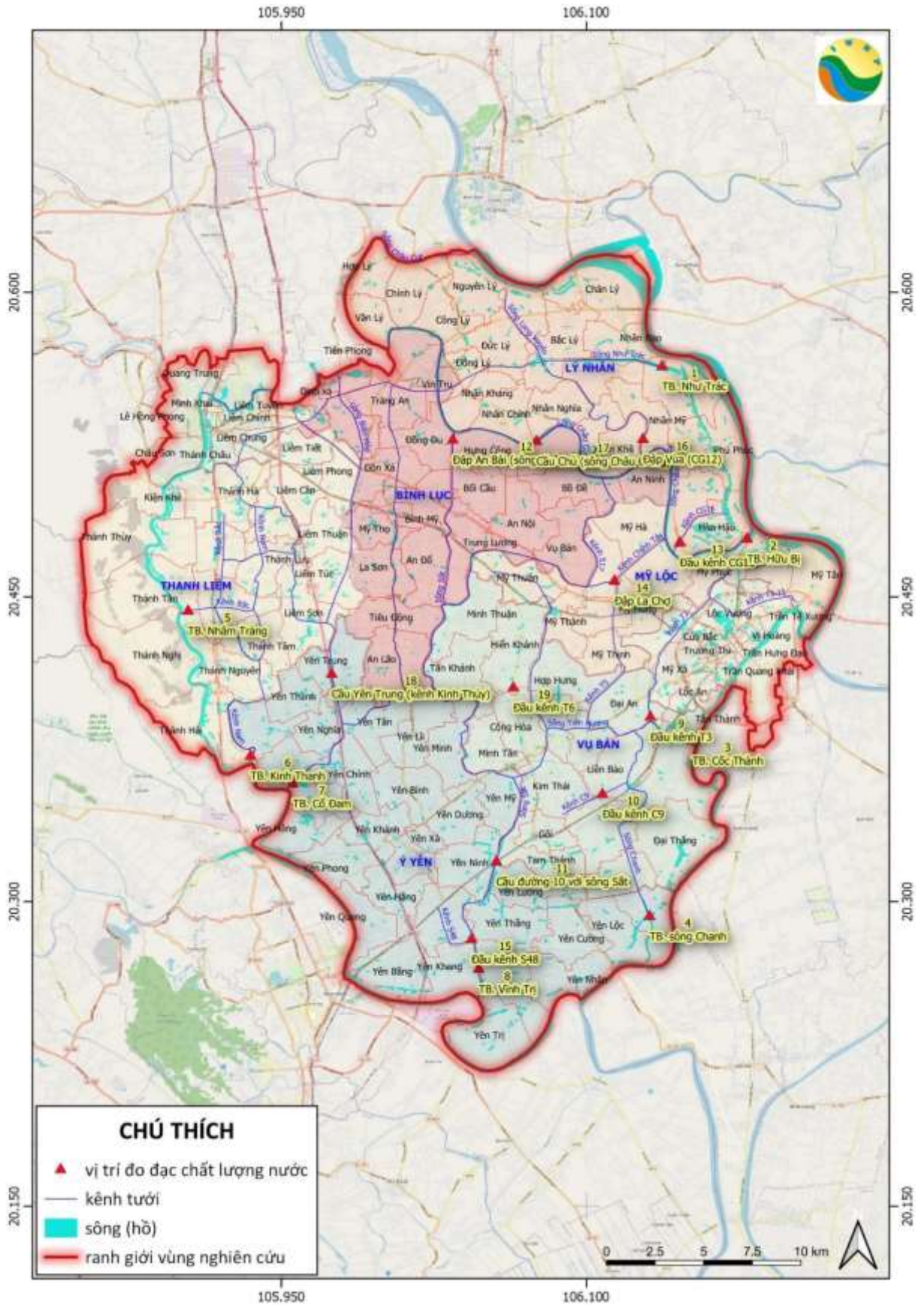
I. Kết quả giám sát chất lượng nước tuần từ ngày 19 đến ngày 25/04/2023

1. Vị trí giám sát

TT	Tên vị trí lấy mẫu	Nguồn/Sông	Lý do xác định vị trí lấy mẫu
1	Cống Như Trác	Sông Hồng	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.
2	Cống Hữu Bị		Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.
3	Cống Cốc Thành	Sông Đào	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.
4	Cống sông Chanh		Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.
5	Cống Nhâm Tràng	Sông Đáy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Tràng, tưới cho Huyện Thanh Liêm và phần phía Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác.
6	Cống Kinh Thanh		Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm
7	Cống Cỏ Đam		Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cỏ Đam, tưới cho Huyện Ý Yên
8	Cống Vĩnh Trị		Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản
9	Đầu kênh T3	Kênh T3	Kiểm tra chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc thành phố Nam Định, nhưng vẫn sử dụng để cấp cho tưới qua trạm bơm Cốc Thành
10	Đầu kênh C9	Sông Chanh	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Chanh, tưới tiêu kết hợp cho huyện Ý Yên.

TT	Tên vị trí lấy mẫu	Nguồn/Sông	Lý do xác định vị trí lấy mẫu
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Sông Sắt	Kiểm tra chất lượng nước sông Sắt, tưới tiêu kết hợp khu vực phía nam huyện Ý Yên
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Sông Châu Giang	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.
13	Đầu kênh CG16		Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới tiêu kết hợp và nhận nước thải từ KCN Hòa Hậu
14	Đập La Chợ		Kiểm tra chất lượng nước hệ thống, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.
15	Đầu kênh S48	Kênh S48	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới, tiêu nông nghiệp và khu vực làng nghề mây tre đan huyện Ý Yên.
16	Đập Vùa (CG12)	Kênh Vùa	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Lý Nhân.
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Sông Châu Giang	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Kênh Kinh Thủy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm
19	Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	Kênh C19	Kiểm tra chất lượng nước tưới tiêu kết hợp và nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện.
20	Đầu kênh T6	Kênh T6	Nước thải TP. Nam Định nhưng vẫn được sử dụng tưới cho khu vực huyện Vụ Bản

BẢN ĐỒ GIÁM SÁT CLN HỆ THỐNG CTTL BẮC NAM HÀ NĂM 2023



2. Thông tin lúc giám sát

STT	Ký hiệu	Tên	Đặc điểm vị trí	Vận hành công trình
1	1	Cống Như Trác	Trời nhiều mây, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 75%, mật độ mây 100%, gió NĐN 12 km/h. Nước màu nâu đục.	Dòng chảy chậm, cống mở lấy nước vào. Trạm bơm đang bơm lấy nước tưới.
2	2	Cống Hữu Bị	Trời nhiều mây, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 72%, mật độ mây 100%, gió NĐN 13 km/h. Nước màu xanh lục.	Không có dòng chảy, cống đóng. Trạm bơm đang bơm lấy nước từ sông Châu Giang lên.
3	3	Cống Thành Cốc	Trời nhiều mây, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 89%, mật độ mây 100%, gió Đông 20 km/h. Nước màu nâu đục.	Dòng chảy nhanh vào bể hút. Cống mở hé lấy nước từ sông Đào vào. Trạm bơm đang bơm lấy nước tưới.
4	4	Cống sông Chanh	Trời nhiều mây, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 77%, mật độ mây 100%, gió NĐN 12 km/h. Nước màu vàng lục.	Dòng chảy chậm, cống mở đang tiêu nước ra sông, trạm bơm không hoạt động, mực nước trung bình.
5	5	Cống Nhâm Tràng	Trời nhiều mây, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 91%, mật độ mây 100%, gió BTB 19 km/h. Nước màu vàng lục.	Không có dòng chảy, cống đóng, trạm bơm không hoạt động. Mực nước trong kênh cao.
6	6	Cống Kinh Thanh	Trời nhiều mây, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 90%, mật độ mây 100%, gió Bắc 19 km/h. Nước màu xanh lục.	Không có dòng chảy, cống đóng. Trạm bơm không hoạt động.
7	7	Cống Đam Cỏ	Trời nhiều mây, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 89%, mật độ mây 100%, gió BTB 19 km/h. Nước màu vàng lục.	Không có dòng chảy, cống đóng. Trạm bơm đang hoạt động, bơm nước từ kênh tiêu lên tưới.
8	8	Cống Vĩnh Trị	Trời nhiều mây, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 76%, mật độ mây 100%, gió NĐN 12 km/h. Nước màu vàng lục.	Dòng chảy nhanh, mực nước trung bình. Cống mở tiêu nước ra sông, trạm bơm không hoạt động.
9	9	Đầu kênh T3	Trời nhiều mây, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 89%, mật độ mây 100%, gió Đông 20 km/h. Nước màu nâu đục.	Dòng chảy nhanh hướng về phía Cốc Thành. Mực nước trung bình.
10	10	Đầu kênh C9	Trời nhiều mây, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 77%, mật độ mây 100%, gió NĐN 12 km/h. Nước màu vàng lục.	Dòng chảy chậm, hướng ra ngã ba sông Chanh. Mực nước trung bình.
11	11	Cầu đường	Trời nhiều mây, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 76%, mật độ mây 100%, gió NĐN 12	Dòng chảy nhanh về hướng Vĩnh Trị. Mực

STT	Ký hiệu	Tên	Đặc điểm vị trí	Vận hành công trình
		10 với sông Sắt	km/h. Nước màu xanh lục.	nước trung bình.
12	12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Trời nhiều mây, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 78%, mật độ mây 100%, gió Nam 10 km/h. Nước màu xanh lục.	Không có dòng chảy. Đập đóng, mực nước trung bình.
13	13	Đầu kênh CG16	Trời nhiều mây, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 72%, mật độ mây 100%, gió NĐN 13 km/h. Nước màu vàng lục.	Dòng chảy chậm ra sông Châu Giang, cống mở. Mực nước thấp.
14	14	Đập La Chợ	Trời nhiều mây, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 73%, mật độ mây 100%, gió NĐN 12 km/h. Nước màu xanh lục.	Dòng chảy chậm về hướng vào nội đồng, mực nước trung bình. Trên kênh tưới trạm bơm Hữu Bị đang bơm lấy nước.
15	15	Đầu kênh S48	Trời nhiều mây, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 76%, mật độ mây 100%, gió NĐN 12 km/h. Trên kênh có nhiều rác thải. Nước màu xanh lục.	Dòng chảy chậm hướng ra Vĩnh Trị, mực nước thấp.
16	16	Đập Vùa (CG12)	Trời nhiều mây, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 76%, mật độ mây 100%, gió NĐN 12 km/h. Nước màu xanh lục.	Không có dòng chảy. Đập đóng. Mực nước trung bình.
17	17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Trời nhiều mây, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 78%, mật độ mây 100%, gió Nam 10 km/h. Nước màu xanh lục.	Dòng chảy chậm về hướng Hữu Bị. Mực nước trung bình.
18	18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Trời nhiều mây, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 89%, mật độ mây 100%, gió BTB 19 km/h. Nước màu vàng lục.	Dòng chảy chậm về phía Cổ Đàm. Mực nước trung bình.
19	19	Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	Trời nhiều mây, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 77%, mật độ mây 100%, gió NĐN 12 km/h. Nước màu vàng lục.	Dòng chảy chậm hướng ra ngã ba Sông Chanh, mực nước trung bình.
20	20	Đầu kênh T6	Trời nhiều mây, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 82%, mật độ mây 100%, gió BTB 7 km/h. Nước màu xanh lục.	Dòng chảy chậm từ ngã ba sông Tiên Hương vào. Mực nước trung bình.

3. Kết quả đo đạc

Số liệu sẽ so sánh với đợt giám sát trước đó (Đ1T4 năm 2023) và cùng kỳ năm ngoái (Đ2T4 năm 2022).

a. Chỉ tiêu DO

TT	Tên vị trí giám sát	Đ2T4/2023	Đ1T4/2023	Đ2T4/2022	Trung bình
1	Cống Như Trác	7,060	6,630	6,500	6,730
2	Cống Hữu Bị	5,680	7,300	5,810	6,263
3	Cống Cốc Thành	7,100	6,510	5,250	6,287
4	Cống sông Chanh	4,810	5,070	4,710	4,863
5	Cống Nhâm Tràng	4,920	4,320	5,140	4,793
6	Cống Kinh Thanh	4,630	4,200	5,640	4,823
7	Cống Cổ Đam	4,590	5,820	3,520	4,643
8	Cống Vĩnh Trị	4,100	4,850	5,390	4,780
9	Đầu kênh T3	4,540	5,270	4,640	4,817
10	Đầu kênh C9	4,800	4,620	4,930	4,783
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	4,500	4,210	5,310	4,673
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	4,280	4,470	5,980	4,910
13	Đầu kênh CG16	3,760	4,810		
14	Đập La Chợ	4,530	4,180	5,120	4,610
15	Đầu kênh S48	3,180	4,160	4,240	3,860
16	Đập Vua (CG12)	5,190	5,090	4,160	4,813
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	3,200	4,300	4,930	4,143
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	5,360	4,760	4,920	5,013
19	Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	4,700	5,180	4,670	4,850
20	Đầu kênh T6	4,020	4,280	5,940	4,747
Giới hạn B1 QCVN 08-MT: 2015/BTNMT		≥4	≥4	≥4	≥4

b. Chỉ tiêu NO₃⁻

TT	Tên vị trí giám sát	Đ2T4/2023	Đ1T4/2023	Đ2T4/2022	Trung bình
1	Cống Như Trác	0,612	0,025	0,288	0,308
2	Cống Hữu Bị	0,524	0,252	1,069	0,615
3	Cống Cốc Thành	3,825	1,834	0,473	2,044
4	Cống sông Chanh	4,500	1,510	4,478	3,496
5	Cống Nhâm Tràng	6,975	0,938	0,855	2,923
6	Cống Kinh Thanh	6,750	0,932	1,103	2,928
7	Cống Cổ Đam	6,300	0,756	0,806	2,621
8	Cống Vĩnh Trị	0,459	0,297	3,803	1,520
9	Đầu kênh T3	4,500	0,965	0,342	1,936
10	Đầu kênh C9	4,140	7,808	4,343	5,430
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	0,477	1,755	0,495	0,909
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	0,491	1,393	3,083	1,656
13	Đầu kênh CG16	0,455	4,275		
14	Đập La Chợ	0,578	0,092	0,342	0,337
15	Đầu kênh S48	1,710	3,985	3,218	2,971
16	Đập Vùa (CG12)	0,464	0,317	2,745	1,175
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	0,533	3,535	3,060	2,376
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	4,950	1,634	0,900	2,495
19	Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	0,603	5,085	4,500	3,396
20	Đầu kênh T6	0,491	1,422	2,880	1,598
Giới hạn B1 QCVN 08-MT: 2015/BTNMT		10	10	10	10

c. Chỉ tiêu BOD₅

TT	Tên vị trí giám sát	Đ2T4/2023	Đ1T4/2023	Đ2T4/2022	Trung bình
1	Cống Như Trác	8,200	10,500	14,900	11,200
2	Cống Hữu Bị	13,400	11,600	17,500	14,167
3	Cống Cốc Thành	8,500	13,900	21,600	14,667
4	Cống sông Chanh	20,200	17,700	28,800	22,233
5	Cống Nhâm Tràng	17,900	20,500	22,700	20,367
6	Cống Kinh Thanh	26,500	23,700	20,400	23,533
7	Cống Cổ Đam	21,900	21,700	24,700	22,767
8	Cống Vĩnh Trị	22,700	21,900	18,600	21,067
9	Đầu kênh T3	13,900	18,900	23,700	18,833
10	Đầu kênh C9	21,900	24,600	27,900	24,800
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	25,800	25,400	17,800	23,000
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	24,300	27,900	23,800	25,333
13	Đầu kênh CG16	32,900	32,900		
14	Đập La Chợ	13,700	20,300	25,700	19,900
15	Đầu kênh S48	38,700	30,800	33,800	34,433
16	Đập Vùa (CG12)	28,700	25,600	27,800	27,367
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	35,700	30,500	34,500	33,567
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	24,500	26,700	25,300	25,500
19	Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	29,500	27,800	25,800	27,700
20	Đầu kênh T6	25,800	23,700	21,800	23,767
Giới hạn B1 QCVN 08-MT: 2015/BTNMT		15	15	15	15

d. Chỉ tiêu NH₄⁺

TT	Tên vị trí giám sát	Đ2T4/2023	Đ1T4/2023	Đ2T4/2022	Trung bình
1	Cống Như Trác	0,101	0,500	0,186	0,262
2	Cống Hữu Bị	0,078	0,315	1,049	0,481
3	Cống Cốc Thành	0,124	0,185	0,186	0,165
4	Cống sông Chanh	0,062	0,160	0,894	0,372
5	Cống Nhâm Tràng	0,078	0,173	0,963	0,405
6	Cống Kinh Thanh	0,101	0,160	0,622	0,294
7	Cống Cổ Đam	0,117	1,135	0,458	0,570
8	Cống Vĩnh Trị	0,148	1,273	0,583	0,668
9	Đầu kênh T3	0,062	0,403	0,381	0,282
10	Đầu kênh C9	0,078	1,868	0,660	0,869
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	0,078	3,020	0,598	1,232
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	0,117	3,055	0,645	1,272
13	Đầu kênh CG16	0,303	7,598		
14	Đập La Chợ	0,070	2,568	0,396	1,011
15	Đầu kênh S48	0,179	2,093	1,049	1,107
16	Đập Vùa (CG12)	0,210	2,205	0,629	1,015
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	0,117	1,778	2,113	1,336
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	0,085	2,128	0,956	1,056
19	Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	0,085	1,250	2,051	1,129
20	Đầu kênh T6	0,085	2,773	0,816	1,225
Giới hạn B1 QCVN 08-MT: 2015/BTNMT		0,9	0,9	0,9	0,9

Chỉ tiêu DO đợt 2 tháng 4 năm 2023 tăng giảm tùy từng vị trí so với đợt đo trước đó và cùng kỳ năm ngoái. Các vị trí đều đạt tiêu chuẩn để cấp cho thủy lợi trừ Đầu kênh CG 16, S48, Cầu Chủ.

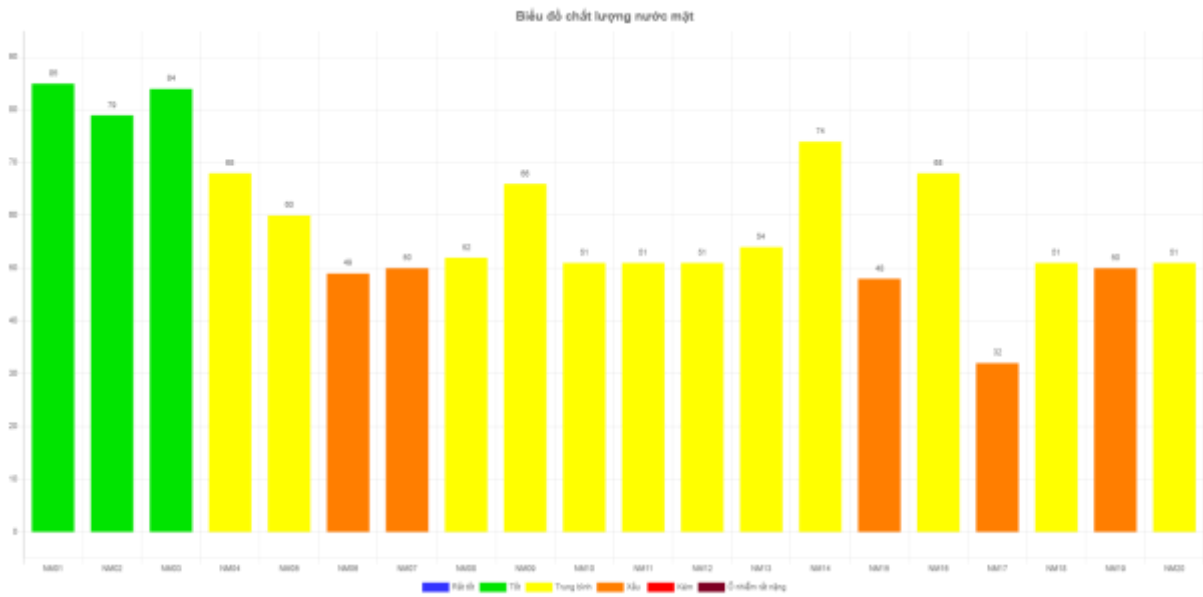
Chỉ tiêu NO₃⁻ đợt 2 tháng 4 năm 2023 tăng giảm tùy từng vị trí so với đợt đo trước đó và cùng kỳ năm ngoái. Các vị trí đều đạt tiêu chuẩn để cấp cho thủy lợi.

Chỉ tiêu BOD₅ đợt 2 tháng 4 năm 2023 tăng giảm tùy từng vị trí so với đợt đo trước đó và cùng kỳ năm ngoái.

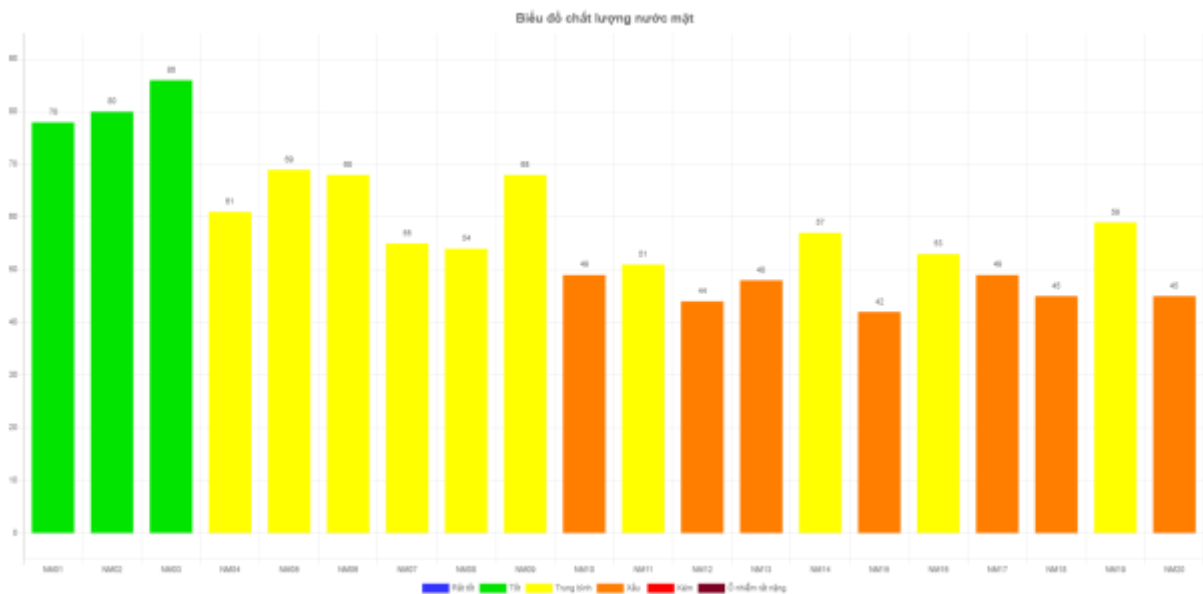
Chỉ tiêu NH₄⁺ đợt 2 tháng 4 năm 2023 tăng giảm tùy từng vị trí so với đợt đo trước đó và cùng kỳ năm ngoái. Các vị trí đều đạt tiêu chuẩn để cấp cho thủy lợi.

4. Kết quả chỉ số chất lượng nước (WQI)

Bản đồ giá trị WQI của đợt 2 tháng 4 năm 2023



Bản đồ giá trị WQI của đợt 1 tháng 4 năm 2023



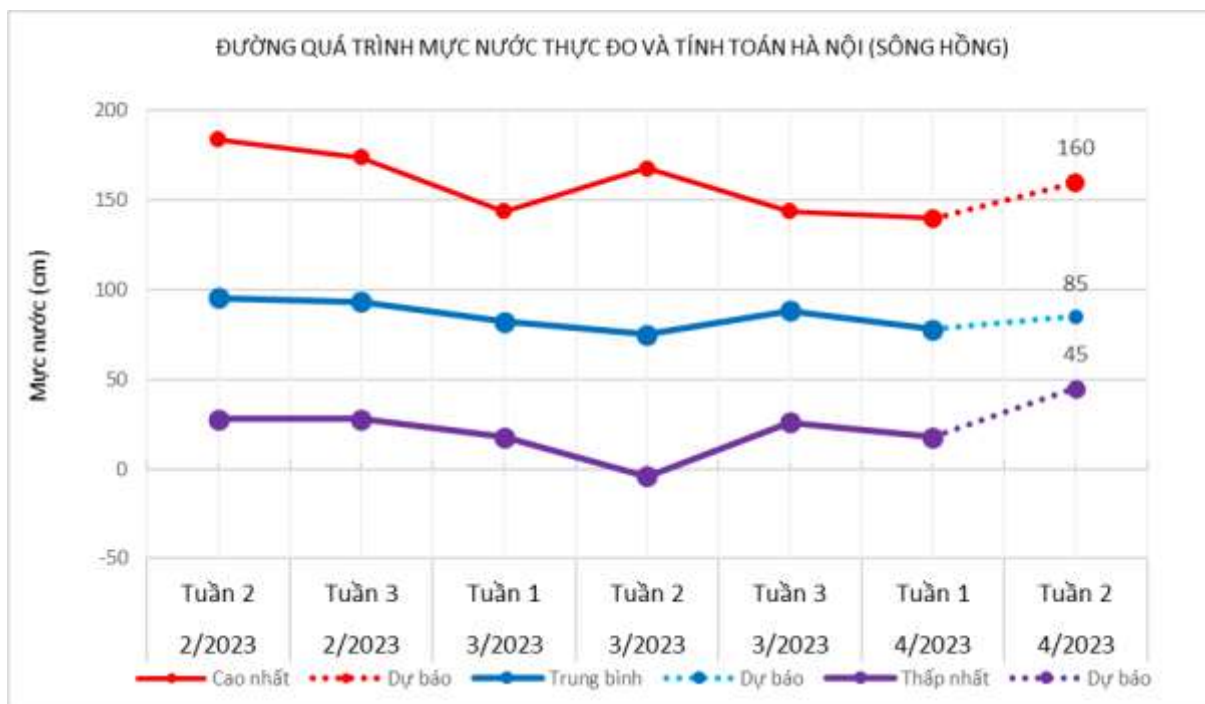
Kết quả tính toán WQI vào đợt 2 tháng 4 năm 2023 tại 20 vị trí khảo sát có thể thấy chất lượng nước Đ2T4 năm 2023 tốt hơn so với thời điểm khảo sát trước đó vào Đ1T4. Chỉ số WQI đợt này có 15 vị trí cho nước đạt loại III (100-51) đủ điều kiện cấp cho mục đích tưới tiêu thủy lợi, 5 vị trí cho nước đạt loại IV (50-26) đủ điều kiện cấp cho mục đích giao thông thủy.

II. Dự báo chất lượng nước tuần từ ngày 19/04/2023 đến ngày 25/04/2023

1. Diễn biến thủy văn và lịch sản xuất trong tuần

Dự báo lượng mưa tại Hà Nam - Nam Định từ 19 - 23 không mưa, ngày 24 có mưa giông và ngày 25 có mưa rào.

Trong 10 ngày qua, hạ lưu hệ thống sông Hồng tại Hà Nội biến đổi chậm. Trong 10 ngày tới, mực nước hạ lưu hệ thống sông Hồng sẽ tiếp tục biến đổi chậm.



2. Dự báo tình hình chất lượng nước trong tuần

DO									B1- QCVN 08- 2015
Vị trí	Thực đo	Tuần dự báo							
		19/04	20/04	21/04	22/04	23/04	24/04	25/04	
Cống Như Trác	7,060	5,367	5,367	5,367	5,367	5,367	5,367	5,367	≥ 4
Cống Hữu Bị	5,680	5,467	5,476	5,490	5,507	5,526	5,547	5,567	≥ 4
Cống Cốc Thành		5,510	5,510	5,510	5,510	5,510	5,510	5,510	≥ 4
Cống sông Chanh		4,075	4,076	4,078	4,080	4,081	4,082	4,083	≥ 4
Cống Nhâm Tràng	4,920	5,704	5,704	5,704	5,704	5,704	5,704	5,704	≥ 4
Cống Kinh Thanh		5,115	5,100	5,086	5,073	5,063	5,056	5,054	≥ 4
Cống Cổ Đàm		4,953	4,979	5,031	5,106	5,198	5,299	5,404	≥ 4
Cống Vĩnh Trị		4,870	4,881	4,891	4,906	4,920	4,931	4,941	≥ 4
Đầu kênh T3		5,373	5,382	5,391	5,398	5,404	5,410	5,414	≥ 4
Đầu kênh C9		6,171	6,295	6,406	6,504	6,589	6,658	6,710	≥ 4
Cầu đường 10 với sông Sắt	4,500	5,247	5,365	5,569	5,746	5,881	5,999	6,107	≥ 4
Đập An Bài (sông Châu Giang)	4,280	6,307	6,417	6,516	6,602	6,670	6,722	6,760	≥ 4
Đầu kênh CG 16		3,550	3,550	3,550	3,550	3,550	3,550	3,550	≥ 4
Đập La Chợ	4,530	6,243	6,272	6,304	6,338	6,372	6,404	6,433	≥ 4
Đầu kênh S48		4,020	4,020	4,020	4,020	4,020	4,020	4,020	≥ 4
Đập Vùa (CG12)		5,784	5,837	5,866	5,883	5,893	5,901	5,907	≥ 4
Cầu Chủ (sông Châu Giang)	3,200	4,503	4,598	4,677	4,737	4,779	4,807	4,825	≥ 4
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)		5,191	5,366	5,538	5,691	5,820	5,925	6,010	≥ 4
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)		5,616	5,683	5,729	5,766	5,795	5,819	5,839	≥ 4
Đầu kênh T6		6,507	6,507	6,507	6,507	6,507	6,508	6,508	≥ 4

NO₃⁻									B1- QCVN 08- 2015
Vị trí	Thực đo	Tuần dự báo							
		19/04	20/04	21/04	22/04	23/04	24/04	25/04	
Cổng Như Trác	0,612	0,079	0,079	0,079	0,079	0,079	0,079	0,079	≤ 10
Cổng Hữu Bị	0,524	0,446	0,439	0,424	0,402	0,376	0,346	0,317	≤ 10
Cổng Cốc Thành		2,149	2,149	2,149	2,149	2,149	2,149	2,149	≤ 10
Cổng sông Chanh		1,583	1,609	1,633	1,653	1,669	1,681	1,691	≤ 10
Cổng Nhâm Tràng	6,975	0,904	0,904	0,904	0,904	0,904	0,904	0,904	≤ 10
Cổng Kinh Thanh		1,128	1,168	1,208	1,245	1,276	1,299	1,315	≤ 10
Cổng Cỏ Đam		1,086	1,001	1,032	1,093	1,025	1,041	1,052	≤ 10
Cổng Vĩnh Trị		0,545	0,530	0,513	0,485	0,458	0,437	0,419	≤ 10
Đầu kênh T3		1,067	1,009	1,046	1,074	1,096	1,013	1,027	≤ 10
Đầu kênh C9		8,140	8,905	8,694	8,508	8,351	8,227	8,134	≤ 10
Cầu đường 10 với sông Sắt	0,477	1,867	1,658	1,284	1,961	1,712	1,493	1,293	≤ 10
Đập An Bài (sông Châu Giang)	0,491	1,865	1,654	1,466	1,309	1,185	1,092	1,026	≤ 10
Đầu kênh CG 16		4,800	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800	≤ 10
Đập La Chợ	0,578	0,114	0,182	0,143	0,100	0,158	0,117	0,180	≤ 10
Đầu kênh S48		4,137	4,137	4,137	4,137	4,137	4,137	4,137	≤ 10
Đập Vùa (CG12)		0,593	0,503	0,552	0,523	0,505	0,592	0,583	≤ 10
Cầu Chủ (sông Châu Giang)	0,533	3,658	3,679	3,635	3,629	3,656	3,608	3,676	≤ 10
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)		1,846	1,838	1,833	1,961	1,731	1,544	1,392	≤ 10
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)		5,708	5,707	5,701	6,007	6,240	6,421	6,562	≤ 10
Đầu kênh T6		2,140	2,141	2,141	2,142	2,143	2,143	2,143	≤ 10

BOD₅									B1- QCVN 08- 2015
Vị trí	Thực đo	Tuần dự báo							
		19/04	20/04	21/04	22/04	23/04	24/04	25/04	
Cống Như Trác	8,200	18,513	18,513	18,513	18,513	18,513	18,513	18,513	≤ 15
Cống Hữu Bị	13,400	27,292	27,273	27,221	27,137	27,028	26,905	26,777	≤ 15
Cống Cốc Thành		27,501	27,501	27,501	27,501	27,501	27,501	27,501	≤ 15
Cống sông Chanh		30,258	30,284	30,306	30,325	30,339	30,350	30,358	≤ 15
Cống Nhâm Tràng	17,900	16,768	16,768	16,768	16,768	16,768	16,768	16,768	≤ 15
Cống Kinh Thanh		23,907	23,053	23,198	23,331	23,444	23,532	23,591	≤ 15
Cống Cỏ Đam		17,728	17,564	17,244	16,783	16,219	15,595	14,952	≤ 15
Cống Vĩnh Trị		18,311	18,291	18,242	18,147	18,053	17,975	17,907	≤ 15
Đầu kênh T3		27,303	27,317	27,326	27,333	27,337	27,340	27,341	≤ 15
Đầu kênh C9		28,222	28,284	28,425	27,650	26,979	26,430	26,009	≤ 15
Cầu đường 10 với sông Sắt	25,800	15,815	15,170	13,869	12,699	11,769	10,931	10,159	≤ 15
Đập An Bài (sông Châu Giang)	24,300	21,129	21,267	21,490	21,815	21,264	21,844	21,539	≤ 15
Đầu kênh CG 16		30,900	30,900	30,900	30,900	30,900	30,900	30,900	≤ 15
Đập La Chợ	13,700	23,611	23,459	23,269	23,059	23,849	23,646	23,457	≤ 15
Đầu kênh S48		38,700	38,700	38,700	38,700	38,700	38,700	38,700	≤ 15
Đập Vùa (CG12)		25,011	24,564	24,310	24,165	24,076	24,014	23,968	≤ 15
Cầu Chủ (sông Châu Giang)	35,700	30,428	30,683	30,053	30,564	30,219	30,989	30,836	≤ 15
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)		21,936	21,879	21,825	21,880	21,085	21,436	21,911	≤ 15
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)		26,610	27,089	27,420	27,661	27,840	27,974	28,074	≤ 15
Đầu kênh T6		27,505	27,505	27,505	27,505	27,505	27,505	27,505	≤ 15

NH ₄ ⁺									B1- QCVN 08- 2015
Vị trí	Thực đo	Tuần dự báo							
		19/04	20/04	21/04	22/04	23/04	24/04	25/04	
Cống Như Trác	0,101	0,158	0,158	0,158	0,158	0,158	0,158	0,158	≤ 0,9
Cống Hữu Bị	0,078	0,314	0,317	0,318	0,316	0,313	0,308	0,303	≤ 0,9
Cống Cốc Thành		1,577	1,577	1,577	1,577	1,577	1,577	1,577	≤ 0,9
Cống sông Chanh		0,794	0,798	0,802	0,806	0,809	0,811	0,813	≤ 0,9
Cống Nhâm Tràng	0,078	0,373	0,373	0,373	0,373	0,373	0,373	0,373	≤ 0,9
Cống Kinh Thanh		0,348	0,359	0,370	0,381	0,390	0,399	0,406	≤ 0,9
Cống Cỏ Đam		0,658	0,655	0,647	0,634	0,617	0,597	0,576	≤ 0,9
Cống Vĩnh Trị		0,512	0,507	0,503	0,496	0,490	0,486	0,482	≤ 0,9
Đầu kênh T3		1,464	1,477	1,487	1,495	1,500	1,505	1,508	≤ 0,9
Đầu kênh C9		1,553	1,494	1,440	1,392	1,349	1,314	1,287	≤ 0,9
Cầu đường 10 với sông Sắt	0,078	0,837	0,790	0,703	0,631	0,580	0,535	0,495	≤ 0,9
Đập An Bài (sông Châu Giang)	0,117	1,478	1,424	1,376	1,333	1,298	1,271	1,251	≤ 0,9
Đầu kênh CG 16		4,740	4,740	4,740	4,740	4,740	4,740	4,740	≤ 0,9
Đập La Chợ	0,070	1,517	1,512	1,505	1,496	1,487	1,478	1,469	≤ 0,9
Đầu kênh S48		2,300	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300	≤ 0,9
Đập Vùa (CG12)		1,202	1,171	1,153	1,143	1,137	1,133	1,130	≤ 0,9
Cầu Chủ (sông Châu Giang)	0,117	3,064	3,018	3,078	3,046	3,023	3,008	3,098	≤ 0,9
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)		2,075	2,043	2,007	2,075	2,046	2,023	2,005	≤ 0,9
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)		0,838	0,951	1,031	1,091	1,136	1,172	1,200	≤ 0,9
Đầu kênh T6		1,575	1,576	1,576	1,576	1,576	1,576	1,576	≤ 0,9

Kết quả dự báo DO trong tuần đều có giá trị thỏa mãn giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT trừ Đầu kênh CG 16.

Kết quả dự báo NO₃⁻ trong tuần đều có giá trị thỏa mãn giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT.

Hàm lượng BOD₅ trong kỳ dự báo vượt giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT.

Kết quả dự báo NH₄⁺ trong tuần đều có giá trị thỏa mãn giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT trừ các vị trí Cốc Thành, Đầu kênh T3, C9, Đập An Bài, Đầu kênh CG 16, S48, Vùa, Cầu Chủ, Yên Trung, C19, T6..

III. Các đề xuất, kiến nghị

1. Nhận xét

Số liệu dự báo cũng cho thấy các điểm vượt giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT trong 7 ngày dự báo nhiều hơn so với tuần 11.

2. Đề xuất

Đề nghị Công ty KTCTTL Bắc Nam Hà tiếp tục tận dụng triều để trao đổi nước sông và trong hệ thống, tăng cường vận hành các công để đưa nước vào hệ thống. Mở cống Hữu Bị lấy nước vào sông Châu Giang từ đó mở Đập An Bài lấy nước vào sông Sắt. Mở các cống Vĩnh Trị, Cổ Đam tiêu nước ra sông.

3. Dự báo chung

Với dự báo lượng mưa và mực nước như dự báo ở trên thì mức độ ô nhiễm chất lượng nước trong HTCTTL Bắc Nam Hà sẽ tăng. Hàm lượng các thông số như BOD₅, NH₄⁺, NO₃⁻ sẽ có xu hướng tăng, hàm lượng Oxy hòa tan trong nước sẽ có xu hướng giảm./.

Nơi nhận:

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI

- Cục Thủy lợi;
- Viện kỹ thuật TNN;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Thủy lợi Bắc Nam Hà;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Hà Nam;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Nam Định;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN,MT.